

## VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU ĐỒNG ĐẠI VÀ LỊCH ĐẠI TỪ TƯ TƯỞNG CỦA SAUSSURE: NHỮNG TƯ LIỆU VÀ PHIÊN BẢN MỚI

Nhận bài:

15 – 04 – 2018

Chấp nhận đăng:

20 – 06 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Đặng Phan Quỳnh Dao

**Tóm tắt:** Bài viết góp phần làm rõ tiềm năng của phạm trù đồng đại và lịch đại từ tư tưởng của Saussure dựa trên khái niệm *chủ thể nói năng* của *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương* và các bản viết tay của ông. Vấn đề này được chúng tôi phân giải theo quan điểm: trường đồng đại có thể được xem xét dựa trên tương quan giữa các bình diện khác nhau của tính hệ thống và tính thời gian. Đó cũng là cách thức để định hình các phiên bản trong nghiên cứu ngôn ngữ học. Tương quan giữa lịch đại và tuyến tính được chúng tôi phân tích dựa trên định đề: tính tuyến tính của cái biểu đạt thuộc về bình diện lời nói, trong lúc phạm trù lịch đại dùng vào các phân tích bình diện ngôn ngữ.

**Từ khóa:** đồng đại; lịch đại; chủ thể nói năng; tuyến tính; hoạt động ngôn ngữ; phép đảo ngữ.

### 1. Đặt vấn đề

Jonathan Culler, trong *Ferdinand de Saussure* [6], xếp Saussure vào hàng bậc thầy hiện đại (a Modern Master). Có thể nói, cùng với triết học Wittgenstein, tâm lí học Sigmund Freud, xã hội học Emile Durkheim, ngôn ngữ học Saussure đã làm thay đổi cách quan niệm về việc nghiên cứu các ngành khoa học nhân văn trong thế kỉ XX. Vị trí của Saussure trong khoa học nhân văn không còn là vấn đề cần bàn cãi. Chính vì thế, việc phân tích một cách thấu đáo và ứng dụng tư tưởng của Saussure trong khoa học nhân văn nói riêng và ngôn ngữ học nói chung trở nên thật sự cần thiết. Điều đó, một mặt, cho phép giới nghiên cứu nhìn nhận lại nhiều vấn đề trong tiến trình phát triển của lịch sử khoa học nhân văn, mặt khác, mang lại cho chúng ta cách hiểu và cách ứng dụng đúng đắn các phương pháp nghiên cứu của nhà ngôn ngữ học. Bên cạnh việc đặt ra thế đối lập giữa ngôn ngữ (*langue*) và lời nói (*parole*), vấn đề lịch đại (*diachronie*) và đồng đại (*synchronie*) được xem là một trong hai phạm trù tổng quan nhất trong tư tưởng của Saussure. Tuy nhiên, theo khảo sát của chúng tôi,

cho đến nay, ở Việt Nam, chưa có công trình nào phân tích một cách thấu đáo về hai phạm trù này, mặc dù có rất nhiều tác giả nhắc đến và khẳng định vai trò của nó trong lịch sử nghiên cứu ngôn ngữ học [1, 8, 9, 13]. Dựa trên tư tưởng của Saussure về đồng đại và lịch đại và quá trình phát triển của nghiên cứu ngôn ngữ học từ đầu thế kỉ XX, bài viết phát triển các bình diện vừa mang tính thao tác khoa học vừa mang tính lí thuyết trong nghiên cứu ngôn ngữ học.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Bộ nhị phân đồng đại/ lịch đại

Thuật ngữ đồng đại (*synchrony*) và lịch đại (*diachrony*) có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp. Tiền tố *dia* có nghĩa là “xuyên qua”, hậu tố *chronie* xuất phát từ *khronos*, nghĩa là “thời gian” thường được xem là phạm trù bàn về sự tiến triển của các hiện tượng ngôn ngữ thông qua thời gian. Đồng đại (*synchrony*), xuất phát từ thuật ngữ *synchrone*, nhằm chỉ “cùng thời”, là “tập hợp các hiện tượng ngôn ngữ được xem như là các nhân tố làm nên một hệ thống chức năng, ở một thời điểm được xác định cho sự phát triển của một ngôn ngữ” [3].

Sự phân biệt giữa đồng đại và lịch đại được xem là một trong những bộ nhị phân nổi tiếng nhất của ngôn ngữ học Saussure. Nó được tranh luận rộng rãi trong giới nghiên cứu. Bản thân Saussure cũng dành hẳn

\* Tác giả liên hệ

Đặng Phan Quỳnh Dao

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Email: taisacheb@gmail.com

những trang quan trọng cho việc bàn luận về bộ nhị phân này ở phần thứ nhất và thứ hai của *Giáo trình (Principes généraux et Linguistique synchronique)*. Tuy nhiên, ta thấy, Saussure không dành những phần riêng bàn về lịch đại. Khái niệm này chỉ được nhắc đến khi bàn về đồng đại. Sự không cân xứng này là hiển nhiên, bởi, phần bàn về lịch đại của *Giáo trình* là không đáng kể. Nhưng ta không quên rằng Saussure từng được xem là một trong những người nghiên cứu đồng đại quan trọng trong giới nghiên cứu cùng thời.

Hình ảnh truyền thống về một Saussure đồng đại cần thiết những dữ liệu bổ sung. Trong thư gửi Antoine Meillet năm 1894, Saussure thừa nhận bản thân ông hứng thú với ngôn ngữ học lịch sử: “Cũng vậy, nhà ngôn ngữ học buộc phải gắn liền với nghiên cứu đồng đại, là phạm trù sản sinh tình trạng về mặt thời gian, để hiểu bản thân tình trạng này”<sup>1</sup> [10, tr.181].

Ta không thể hiểu và diễn giải một cách đích xác tình trạng một ngôn ngữ nếu ta loại trừ tất cả những gì biết được về sự hình thành của nó. Và Saussure chứng minh yêu cầu này bằng việc dựa vào chủ thể nghiên cứu là hoàn toàn khác biệt trong lĩnh vực đồng đại và lịch đại: trong trường hợp thứ nhất, tồn tại đặc trưng hệ thống, trong trường hợp thứ hai, ngược lại, lại thuộc bản chất phi hệ thống (asystématique):

“Nhưng việc hợp nhất hai trật tự này trong cùng một viễn cảnh là một ảo tưởng. Trong viễn cảnh lịch đại, tôi có một chuỗi các sự kiện không có bất cứ quan hệ nào với các hệ thống, mặc dù chúng là điều kiện của hệ thống”<sup>2</sup> [10, tr.190].

Trong *Giáo trình thứ hai*, định đề này lại xuất hiện một cách rõ ràng hơn:

“Vây, ta thấy rằng sự phân loại, vấn đề cơ bản nhất, ở trong ngôn ngữ học đồng đại và lịch đại là điều cần thiết, ở ngoài sự lựa chọn này, chúng ta bị áp đặt bởi bản chất của đối tượng. Vấn đề không phải phụ thuộc vào việc ta thích sự phân biệt này hay không: đó là điều kiện tiên quyết để hình thành một trật tự, không nhằm lẫn với tất cả những trật tự còn lại”<sup>3</sup> [10, tr.179].

Và trong *Giáo trình thứ ba*:

Cần phải tách biệt hai ngành ngôn ngữ học, bởi tồn tại tính hai mặt không thể vãn hồi, được tạo ra bởi bản chất của đối tượng, vấn đề của giá trị<sup>4</sup> [10, tr.182].

Đồng đại được Saussure định nghĩa là trạng thái ngôn ngữ ở một thời điểm nhất định nào đó trong quá trình phát triển của nó. Cách xác định đó bao hàm tính hệ thống của các yếu tố tồn tại đồng thời. Các yếu tố này quy định lẫn nhau. Trạng thái ngôn ngữ này được xem như là một hệ thống các tương quan, được trừu tượng hóa khỏi yếu tố thời gian và những biến đổi theo trục dọc của lịch sử. Theo ông, ngôn ngữ học lịch đại sẽ nghiên cứu các tương quan mà ý thức tập thể không nhận thấy, nhất là các hạn từ thay thế cho nhau chứ không hợp với nhau thành hệ thống. Nói một cách dễ hiểu, nghiên cứu lịch đại là tập hợp những yếu tố của một trạng thái nào đó ở các giai đoạn phát triển khác nhau của một ngôn ngữ để phân tích.

<sup>1</sup>De même, le linguiste doit faire table rase de ce qui est diachronique, de ce qui a produit un état dans le temps, pour comprendre cet état lui-même.

<sup>2</sup>Mais vouloir réunir ces deux ordres dans la même perspective, c'est une tentative chimérique. Dans perspective diachronique, j'aurai une série de faits qui n'ont aucun rapport avec les systèmes, quoiqu'ils les conditionnent.

<sup>3</sup>Nous voyons donc que la classification, primordiale, <intérieure> de la linguistique en (1343) synchronique et diachronique est nécessaire, <est hors de notre choix, nous est imposée par la nature des choses. Il ne dépend pas de nous de préférer cette distinction ou non:> c'est la condition *sine qua non* pour qu'il y ait un ordre ou plutôt <pour qu'il n'y ait> pas confusion du tout.

<sup>4</sup>Il faut donc séparer en deux la linguistique, car il y a une dualité irrémédiable, créée par la nature même des choses, quand il s'agit de valeurs.

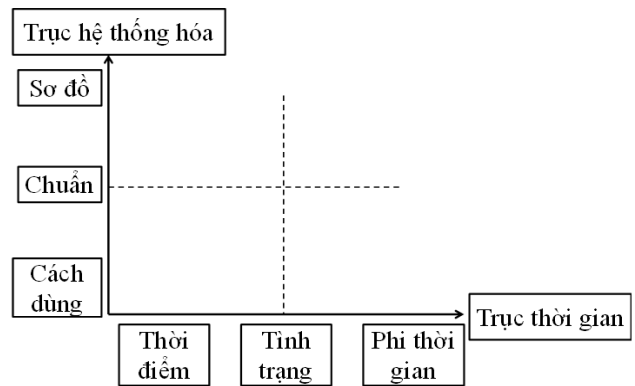
## 2.2. Các phiên bản của đồng đại

### 2.2.1. Đồng đại: trục lí thuyết hóa

Từ André Jacob (1967), tác giả của Thời gian và hoạt động ngôn ngữ (*Temps et langage*) [5], giới nghiên cứu đã bắt đầu lưu ý rằng trong bản thân phạm trù ngôn ngữ học “đồng đại” có hai loại khái niệm dường như

mâu thuẫn, đó là giữa “cấu trúc” và “phát sinh”, “tiềm năng” và “thực tế”, “tĩnh” và “động”. Để đưa ra các yếu tố cho vấn đề này, ta thử đặc trưng hóa khái niệm đồng đại bằng việc đặt chúng trong tương quan giữa tính hệ thống và tính thời gian. Bởi tính hệ thống, ta nhận ra một cách chính xác hơn những gì trình diện dưới hình thức một sự kiểm soát trong hoạt động ngôn ngữ của chủ thể nói năng. Với Hjelmslev [7, tr.78-90], khái niệm hoạt động ngôn ngữ của Saussure buộc phải được định rõ theo cách chi tiết hơn ở các cấp độ khác nhau của hệ thống. Điều đánh dấu cấp độ cao nhất của hệ thống chính là sơ đồ bao hàm tính bất biến và phổ quát của ngôn ngữ học, là những gì tồn tại với tư cách ở bên ngoài mọi ảnh hưởng của không - thời gian. Điều kéo theo, chính là chuẩn ngôn ngữ mà tầm ảnh hưởng bị hạn chế bởi biên giới văn hóa - xã hội của một cộng đồng ngôn ngữ có sẵn. Ở cấp độ thứ ba và cuối cùng, Hjelmslev gọi là cách dùng, nghĩa là một kiểu hệ thống hóa chỉ có giá trị trong phạm vi cá nhân. Nếu sơ đồ có giá trị trên bình diện phổ quát, và nếu chuẩn gắn liền với cấp độ chung thì cách dùng được phát triển ở các cá nhân riêng lẻ. Bởi tính thời gian, ta nhận ra ở đây lĩnh vực áp dụng các hệ thống khác nhau cũng như mang tính hạn định. Giả thiết rằng, ta có ba phạm vi ứng dụng khác nhau dựa trên sự mở rộng của chúng: thời điểm, tình trạng và phi thời gian. Vậy thì phạm vi hẹp nhất làm nảy sinh trật tự phi đồng đại mà ta có thể đặc trưng hóa bằng thuật ngữ “thời điểm đóng kín”, tức chính là yếu tố được mở rộng nhất tồn tại ở cấp độ phiếm đại (anchrony), bên ngoài thời gian tính. Giữa hai cực điểm này mở ra một không gian đồng đại ít nhiều bị giới hạn hoặc được mở rộng. Vấn đề này được Saussure gọi là “tình trạng của ngôn ngữ” (the state of a language). Tương quan giữa các hệ thống và sự đa dạng về thời gian cũng như việc sử dụng ngôn ngữ của một cá nhân là điều kiện để tạo lập trường ý thức ngôn ngữ học về chủ thể nói năng<sup>5</sup>. Đồng đại không là gì khác ngoài trường trật tự cơ bản mang tính hiện tượng này.

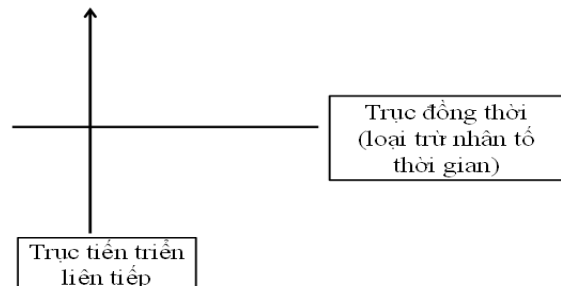
Đề xuất của chúng tôi qua phân tích trên đây có thể được mô hình hóa như sau:



Từ trục lý thuyết hóa này, những phiên bản khác nhau có thể được thiết lập.

### 2.2.2. Phiên bản phiếm đại (achrony)

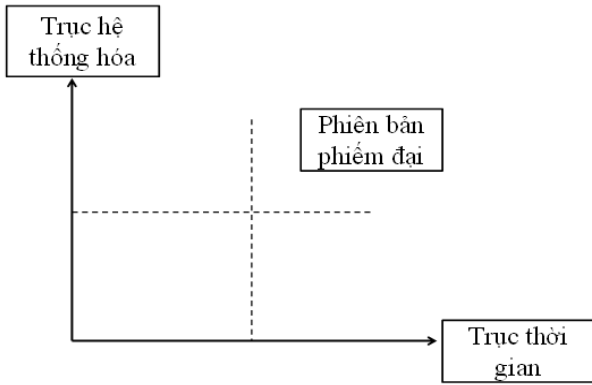
Ta biết rằng, từ tính đồng thời (contemporaneity) hay nói cách khác là tương quan giữa các đối tượng đồng tồn, Saussure cho rằng, chính các yếu tố này có vai trò tương đương để làm xuất hiện các nhân tố thời gian và trực tiến triển, hay là các đối tượng tiến triển, tức được nhân bội bởi thời gian. Saussure mô hình hóa ý tưởng này như sau:



[10, tr.328]

Mô hình trên là cơ sở cho ta khẳng định tính hệ thống tồn tại trong tính cùng thời được mở rộng đến vô hạn, đạt tới điểm cao nhất. Thuyết phổ biến xem đó là một thách đố khoa học. Chính sơ đồ ngôn ngữ học hoạt động mọi nơi và luôn luôn được xem là đối tượng của khoa học. Ta có thể xác định phạm vi của phiên bản này dựa trên trục lý thuyết hóa trên đây như sau:

<sup>5</sup>Trong bản dịch của Cao Xuân Hạo, khái niệm “the subject of speaker” được dịch giả dịch là “người bản ngữ”. Lý do của dịch giả là khái niệm này về sau ít được sử dụng. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn tuân thủ văn bản của Saussure nên dịch là “chủ thể nói năng”.



Như vậy, sự xuất hiện của đồng đại gắn liền với sự biến mất của “nhân tố thời gian”. Chính vì thế, đó là cơ sở hình thành của phạm trù phiếm đại xuất phát từ tư tưởng đồng đại của Saussure.

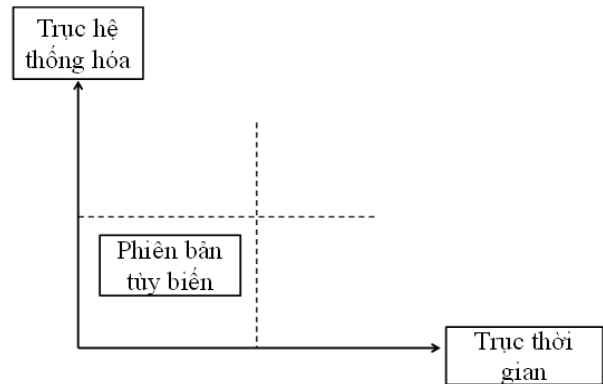
Cần nhớ rằng, việc tước đi khỏi đồng đại các yếu tố lịch sử thường trở đi trở lại ở nhiều trường phái ngôn ngữ học. Dần dần, đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học (nhất là trong việc mô tả các ngôn ngữ) trải qua từ ý thức về vai trò của chủ thể nói năng (Saussure) đến thẩm quyền của người phát ngôn lí tưởng (Chomsky) và gần hơn là khoa học tri nhận (Langacker). Các yếu tố thời gian này đóng vai trò như là các nhân tố khác biệt hoặc là các thời điểm đa dạng của những biến thể ngôn ngữ học trong phạm vi của tính năng động của đồng đại dường như không còn giữ vị trí chi phối trong quá trình lí thuyết hóa của đối tượng này<sup>6</sup>.

Bản thân Saussure từng dự báo một cách chính xác tình trạng này trước khi đề xuất điểm nhìn phiếm thời trong *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương*. Ông ta chất vấn một cách ngắn gọn theo cách sau: “Đến đây, ta đã dùng thuật ngữ quy luật theo lẽ thường. Nhưng trong ngôn ngữ, quy luật được hiểu theo nghĩa của khoa học vật lí và tự nhiên, nghĩa là những quan hệ được chứng minh ở mọi nơi và luôn luôn. Tóm lại, ngôn ngữ liệu có được nghiên cứu ở phạm vi phiếm đại hay không?” [14, tr.134]. Saussure đã trả lời cho câu hỏi này ngay trong *Giáo trình*. Theo quan điểm của ông, chiều kích phiếm đại nghiên cứu “các quan hệ luôn luôn được chứng minh và đúng ở mọi phạm vi” không phải là nội dung duy nhất liên quan đến

hoạt động ngôn ngữ. Quan điểm này của Saussure có thể được giải thích bởi ý muốn lưu giữ khả năng về một viễn cảnh riêng biệt cho ngôn ngữ, tóm lại, đó chính là đồng đại. Điều đó có nghĩa là, câu hỏi mà ông đặt ra cần được phân tích trong phạm vi lí thuyết mà chúng tôi tiếp tục triển khai ở phạm trù năng động của các thao tác nghiên cứu ngôn ngữ học.

### 2.2.3. Phiên bản tùy biến

Trong phiên bản này, tính hệ thống trở nên thứ yếu, nhân tố thời gian bị giới hạn. Nó biểu hiện dưới hình thức cách dùng ngôn ngữ và chỉ có giá trị trong một giai đoạn ngắn của sự tiến triển. Đồng đại được khám phá ở đây như là một không gian năng động, trong đó, chúng tác động có tính tương liên và không ngưng nghỉ đến các yếu tố vừa có tính cấu trúc vừa phi cấu trúc. Hậu quả là, nảy sinh sự suy giảm của tính hệ thống cùng với sự thu giảm về mặt thời gian theo tư duy lí thuyết hóa đã đề ra trên đây.



Vai trò của phiên bản này là ở chỗ nó giúp ta giải thích được xu hướng tiến triển và thay đổi của các đơn vị ngôn ngữ mà ta chưa biết dựa trên các điều kiện về cấu trúc. Bằng việc bảo vệ một tư duy đồng đại năng động, Martinet nhấn mạnh rằng không hề có sự mâu thuẫn giữa cấu trúc và lịch sử: “Không có mâu thuẫn giữa chức năng của ngôn ngữ với sự phát triển của nó, mà chỉ là sự trùng khớp mà thôi. Không hề nghịch lí khi ta cho rằng một ngôn ngữ thay đổi bởi vì nó đang hoạt động”<sup>7</sup> [11, tr.40]. Vậy thì, theo ông, khi ta cần, đồng đại có thể được rút gọn thành các phạm trù tĩnh.

<sup>6</sup>Thực ra, khoa học tự nhiên, trong giới hạn vật lý và sinh học, như Chomsky dự báo trong *Language and Mind* (1968), đã chiếm nhiều lĩnh vực của khoa học tri nhận.

<sup>7</sup>Il n’y a pas contradiction entre le fonctionnement de la langue et son évolution, mais coïncidence. Ce n’est pas un paradoxe de dire qu’une langue change parce qu’elle fonctionne.

Nếu phiên bản phiếm đại nhấn mạnh về tính chủ trí mà thuyết phổ biến khởi xướng, thì phiên bản năng động được sáng lập dựa trên nền tảng của chủ nghĩa kinh nghiệm mà theo đó ta chỉ thừa nhận thực tế kinh nghiệm khi một yếu tố nảy sinh dựa vào tri nhận. Cũng từ phạm trù này, Schuchardt, trong bản chú thích *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* của Ferdinand de Saussure đã muốn phủ nhận giả định lí thuyết của bộ nhị phân đồng đại và lịch đại: “Sự ổn định và sự biến động không hề đối lập nhau, chúng giống nhau trong hoạt động ngôn ngữ; điều khác biệt duy nhất là: sự biến động mang tính hiện thực còn tính ổn định được xác định thông qua sự nhận thức”<sup>8</sup> [15, tr.117]. Wunderli không đồng thuận với ý kiến này và đã phát biểu: “Bộ nhị phân nổi tiếng này không phải là một tạo dựng mang tính *hiện thực*, vấn đề chỉ là một đối lập thuần túy phương pháp (và phương pháp luận)”<sup>9</sup> [16, tr.125]. Ông giải thích: “Khi Saussure khẳng định rằng mọi yếu tố trong ngôn ngữ đều mang tính lịch sử, rằng nó chính là một tương lai vĩnh cửu, là ông đang nói về ngôn ngữ với tư cách là một đối tượng; khi ông đề xuất sự phân biệt triệt để giữa đồng đại và lịch đại, tức là ông đang muốn gắn sự phân biệt đó cho ngôn ngữ học với tư cách là khoa học về đối tượng này”<sup>10</sup>.

Nghĩa là, theo ông, việc phân biệt giữa thể thức tồn tại của một ngôn ngữ và cách thức xem xét về nó là một trong những điều kiện cần thiết cho việc xây dựng khoa học ngôn ngữ. Quả vậy, có hai cách thức xem xét về ngôn ngữ, nghĩa là hai siêu cấp độ mô tả về mặt ngôn ngữ học: đồng đại và lịch đại, và điều đó là cơ sở cho quan niệm đối tượng ngôn ngữ như là “thực thể trở thành vĩnh viễn”. Bộ nhị phân vẫn luôn có giá trị ở cấp

độ siêu lí thuyết. Cần phải lưu ý rằng khái niệm “tình trạng ngôn ngữ” được đề xuất bởi Saussure như là trường đồng đại chỉ được hiểu ở khía cạnh là ngôn ngữ với tư cách là đối tượng của khoa học cũng như được quan niệm như là hệ thống năng động không mang nghĩa. Là điểm xuất phát của việc loại bỏ tư tưởng về một thực thể tĩnh về mặt đồng đại ở Wunderli cũng như ở Schuchardt hay Martinet.

Như đã nói, phiên bản phiếm đại đòi hỏi tính khách quan và phiên bản năng động gọi đến phạm vi của chủ nghĩa kinh nghiệm nhưng cả hai đều hướng đến việc diễn giải các tình trạng ngôn ngữ mang có tính chất biện chứng theo quan niệm của Hegel. Bởi ta có thể khẳng định như Jacob: Không có cấu trúc không thông qua cấu trúc hóa<sup>11</sup> [5, tr.15]. Tiến trình cấu trúc hóa này tương đương với “sự kết hợp” và “sự phân tách” của ngôn ngữ và diễn ngôn trong quá trình hoạt động của nó. Điều đó cho thấy, một mặt, tư tưởng của Saussure vừa mang tính thống nhất, mặt khác, tiềm năng khoa học từ tính đa dạng của nó là rất lớn, đặc biệt cho các nghiên cứu về triết học ngôn ngữ ngày nay.

### 2.3. Lịch đại và tuyến tính

#### 2.3.1. Lịch đại/ngôn ngữ - Tuyến tính/lời nói

Khái niệm tuyến tính có một vị đặc biệt trong tiếp nhận tư tưởng Saussure. Theo *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương* xuất bản năm 1916 tính tuyến tính, cùng với tính vô đoán của kí hiệu là một trong hai đặc trưng chủ yếu của kí hiệu ngôn ngữ. Tâm điểm của khái niệm không tìm thấy trong lịch sử nghiên cứu ngôn ngữ học của trường phái Saussure ở thế kỉ XX. Sự khác biệt của việc tiếp nhận hai nguyên lí cơ bản này là hiển nhiên: tính tuyến tính đã không dính dáng đến các cuộc tranh luận về tính vô đoán. Thực tế, ngôn ngữ học Saussure ở thế kỉ XX đặt trên một số tiền đề như tính vô đoán của kí hiệu, sự phân biệt giữa ngôn ngữ và lời nói, đồng đại và lịch đại, khái niệm hệ thống và giá trị. Tính tuyến tính đã không gắn liền với các phạm trù này.

<sup>8</sup>“Repos et mouvement ne se trouvent nulle part en opposition ; il en est donc de même pour le langage ; seul est réel le mouvement, seul est perceptible le repos”.

<sup>9</sup>La fameuse dichotomie n’est donc pas fondée *in re*, il s’agit d’une opposition purement méthodique (et méthodologique).

<sup>10</sup>Quand Saussure affirme que tout dans la langue est historique, qu’elle est un devenir permanent, il parle de la langue en tant qu’objet ; quand il postule une distinction radicale entre synchronie et diachronie, il se rapporte à la linguistique en tant que science de cet objet.

<sup>11</sup>Il n’y a pas de structure sans structuration.

Số phận của khái niệm này không được quy về trong bất cứ bộ phận văn bản nào của Saussure. Không hề có thời điểm tiếp nhận nào khái niệm này được xem là một nguyên lí cấu trúc của ngôn ngữ học Saussure. Trong các nghiên cứu tổng quan hoặc tóm lược về Giáo trình của Meillet, Vendryes, Schuchardt, Sechehaye và Bloomfield xuất hiện giữa 1916 và 1924 được Normand (1978) tổng kết, tính tuyến tính không được nhắc đến. Định nghĩa ngôn ngữ, sự phân biệt với lời nói được tranh luận nhiều nhất. Đến giai đoạn của chủ nghĩa cấu trúc, vấn đề kí hiệu và hệ thống trở thành trung tâm của nhiệm vụ nghiên cứu. Cho đến nay, tương quan giữa lịch đại và tuyến tính thường ít được bàn đến trong các công trình nghiên cứu. Trong *Nguyên lí lịch đại* [17] khi bàn về tuyến tính, Peter Wunderli chỉ phân tích hai luận điểm ở trang 19 và 20. Tác giả không trực tiếp sử dụng *linéarité* như một khái niệm độc lập mà chỉ dùng cụm từ đặc trưng tuyến tính [*caractère linéaire*]. Theo khảo sát của chúng tôi, *linéarité* cũng không hiện diện trong hầu hết chỉ mục của các công trình nghiên cứu về lịch đại [5,15,16,17]. Thậm chí một số công trình còn loại bỏ hẳn tương quan này.

Buysens, từ 1942, rồi Godel, vào 1969, đã xác định rằng “Saussure sử dụng hai cách thức khác biệt về khái niệm *thời gian*, theo phân tích của ông về viễn cảnh lịch đại và đồng đại: trong trường hợp thứ nhất, thời gian là tác nhân, rõ hơn là điều kiện cần thiết của sự thay đổi, trong trường hợp thứ hai, chỉ là không gian của diễn ngôn” [10, tr.207]. Quả vậy, dường như đó là yếu tố xuất phát từ sự tách biệt giữa hai khái niệm lịch đại và tuyến tính. Nhưng sự tách biệt này có cần thiết không? Có cần thiết đặt ra vấn đề quan hệ giữa tính tuyến tính của cái biểu đạt (“không gian của diễn ngôn”) và lịch đại (“điều kiện của sự biến đổi” - theo thuật ngữ của Godel)? Vấn đề cần đặt ra ở đây là trong *Giáo trình*, có hai khái niệm khác biệt về thời gian là lịch đại và tuyến tính không? Tìm về trong văn bản của Saussure ta thấy: Giáo trình dành cho lịch đại ít trang hơn đồng đại, tuy nhiên, ngôn ngữ học lịch đại còn là vấn đề của “Linguistique géographique” (phần 4) và “Linguistique rétrospective” (phần 5). Nhưng nếu khảo sát trong các bản viết tay, ta sẽ thấy Saussure bàn rõ hơn về tính tuyến tính: “Nhưng ở đây tồn tại đặc trưng chủ yếu về chất liệu ngữ âm, không đủ để đặt ra tương quan, mà chính là sự hiện diện của chuỗi âm thanh, là điều kéo theo một cách lập tức đặc trưng thời gian, tồn tại như

một chiều kích. Ta có thể nói rằng đó là đặc trưng tuyến tính: chuỗi lời nói, thực sự là một sự trải dài theo thời gian”<sup>12</sup> [10, tr.234].

Về lịch đại, các văn bản hướng đến khẳng định: chính ngôn ngữ tác động bởi bản thân nó, luân phiên giữa bất biến và khả biến, yếu tố đầu là điều kiện cho yếu tố thứ hai: “Kí hiệu ở trong trường hợp của sự biến đổi vì nó luôn tiến triển”<sup>13</sup> [14, tr.108-109].

Ở đây, các vấn đề hiện ra một cách rõ ràng. Tính tuyến tính là thể thức tác động về mặt thời gian trong lời nói, lịch đại - hay rõ hơn là sự biến đổi lịch đại - là thể thức can thiệp trong ngôn ngữ. Nhưng hai thể thức can thiệp này có đi vào chiều kích quan hệ với nhau? Thoạt đầu, khái niệm lời nói cho phép tạo ra một cầu nối giữa tuyến tính và lịch đại. Khái niệm này có vai trò trong việc xác định tính tuyến tính. Khi có sự biến đổi về mặt lịch đại, ta thấy nguồn gốc của nó trong lời nói. [14, tr.138]<sup>14</sup>

Lịch đại sẽ là hình thức được rút ra từ cấp độ ngôn ngữ bởi tính tuyến tính gắn liền với cấp độ lời nói. Tính liên tục giữa hai phương thức tác động của thời gian trong hoạt động ngôn ngữ: thời gian chủ quan của chủ thể phát ngôn và thời gian khách quan của ngôn ngữ như là hệ thống. Tuyến tính là điều kiện của lịch đại. Điều kiện của tuyến tính thực chất là gì? Đó chính là: một ngôn ngữ cần được nói ra, nghĩa là làm nảy sinh các hành động lời nói, mang tính tuyến tính, tính thời gian - cho phép nó tiến triển. Saussure còn xác định vấn đề rõ hơn: “Nếu ta đặt ngôn ngữ trong thời gian, không tính đến cộng đồng nói năng - giả sử một cá nhân riêng lẻ sống trong nhiều thế kỉ - ta sẽ không nhận ra được bất cứ sự biến đổi nào, thời gian không tác động

<sup>12</sup>Mais il y a ici un caractère capital de la matière phonique, non mis suffisamment en relief: c'est de se présenter à nous comme une chaîne acoustique, ce qui entraîne immédiatement le caractère temporel, qui est de n'avoir qu'une dimension. On pourrait dire que c'est un caractère linéaire : la chaîne de la parole, forcément, se présente à nous comme une ligne

<sup>13</sup>Le signe est dans le cas de s'altérer parce qu'il se continue.

<sup>14</sup>Tout ce qui est diachronique dans la langue l'est par la parole, ne l'est que par la parole.

trong trường hợp này” [14, tr.113]<sup>15</sup>. Saussure dường như là người duy nhất đặt ra vấn đề về cá nhân nói năng từ trước đến nay. Khi ông cho rằng “thời gian không tác động trong trường hợp này” nghĩa là thời gian nào? Thời gian “chủ quan” của tính tuyến tính, tách biệt khỏi mọi hành động của lời nói, có hay không một “cộng đồng nói năng” (“masse parlante”<sup>7</sup>)? Hay thời gian “khách quan” của lịch đại, điều kéo theo sự chuyển chuyên ngôn ngữ ngay khi nó xảy ra? Thời gian được Saussure xem như là sự diễn giải “hiển nhiên” giống như tuyến tính. Nhưng ở đây có hai thời gian theo Saussure: thời gian tuyến tính của hành động lời nói - cần thiết cho sự phát triển của ngôn ngữ - và thời gian của lịch đại - cũng là thời gian ngay khi hình thành cộng đồng nói năng. Vậy thì, ở đây tính hai mặt trong khái niệm của Saussure về thời gian đã xuất hiện. Chính vì, nhân tố duy nhất tách biệt giữa thời gian tuyến tính và thời gian trong sự tiến triển lịch đại chính là “cộng đồng nói năng”. Những phân tích của Saussure trong Giáo trình ở trang 250 về tương quan giữa hai sự tiến triển này sinh trong cùng một diễn ngôn và việc xác định giữa pas (danh từ) và pas (phủ định) không khác nhau: “trường hợp thứ hai là sự nối dài và là một biến thể của trường hợp thứ nhất” cho thấy điều đó. Chỉ có một sự đồng nhất duy nhất các đối tượng ngôn ngữ học thông qua thời gian, và thời gian này hoặc là tuyến tính, hoặc là lịch đại. Hai hình thức thời gian này không mang tính phân biệt. Wunderli đã không xác định một cách triệt để vấn đề quan hệ giữa tuyến tính và lịch đại mà chỉ dừng lại ở việc đặt ra sự đồng nhất lịch đại mà thôi. Qua phân tích của Saussure ở trang 250, ta thấy rõ đặc trưng của bản thân kí hiệu trong tính tuyến tính của diễn ngôn. Đúng như Engler cho rằng “Chất liệu làm nên kí hiệu không bao giờ “giống nhau” ở hai lần”<sup>16</sup> [10, tr.21].

<sup>15</sup>Si l'on prenait la langue dans le temps, sans la masse parlante - supposons un individu isolé vivant pendant plusieurs siècles - on ne constaterait peut-être aucune altération ; le temps n'agirait pas sur elle.

<sup>16</sup>L'objet qui sert de signe n'est jamais 'le même' deux fois.

Việc khái niệm hóa tính đồng nhất của kí hiệu cũng như tác động của nhân tố thời gian trong đối tượng của ngôn ngữ học cho thấy việc rút ngắn khoảng cách giữa thời gian tuyến tính và thời gian lịch đại. Tuy nhiên, vấn đề còn lại vẫn là: tính tuyến tính của cái biểu đạt thuộc về bình diện lời nói, trong lúc phạm trù lịch đại dùng vào các phân tích bình diện ngôn ngữ.

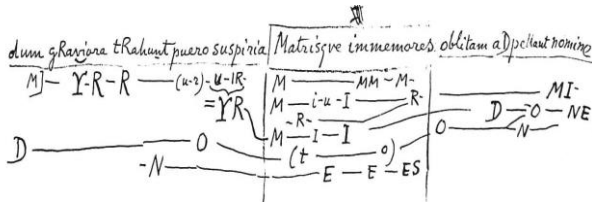
### 2.3.2. Tuyến tính và phép đảo ngữ

Việc khám phá các bản viết tay của Saussure vào những năm 60 liên quan đến phép đảo ngữ buộc giới nghiên cứu ngôn ngữ học phải “viết thêm” về tư tưởng của Saussure cũng như các nghiên cứu liên quan. Người dành những quan tâm sâu sắc nhất về vấn đề này là Jakobson. Ông cho rằng: những thực hành về phép đảo ngữ trong các bản viết tay đã làm rõ nguyên lí tuyến tính trong Giáo trình. Dựa vào những công trình về phép đảo ngữ của Jean Starobinski, Jakobson viết: “Đảo ngữ thi ca vượt qua hai “quy luật cơ bản của ngôn ngữ của con người” mà Saussure đã công bố, đó là liên đới có tính quy tắc giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt của nó, và đó chính là tính tuyến tính của cái biểu đạt. Các phương tiện của hoạt động ngôn ngữ thi ca đã cho ta thấy rằng nó nằm ngoài trật tự tuyến tính”<sup>17</sup> [4, tr.255]. Hay như Starobinski tóm lược “ta ra khỏi thời gian của tính liên tiếp đặc trưng của ngôn ngữ thường ngày”<sup>18</sup> [4, tr.200].

Trọng tâm trong tương quan giữa tính tuyến tính và phép đảo ngữ chính là vấn đề tính liên tiếp và phi liên tiếp của phép đảo ngữ (“Consécutivité ou non-consécutivité”). Ta biết rằng, vấn đề tuyến tính được Saussure tập trung vào văn bản thi ca Hy Lạp và La-tinh những năm 1906 - 1909 ở giáo trình thứ nhất và thứ hai. Saussure không tập trung vào tính liên tiếp của các yếu tố ngữ âm của chuỗi nói. Trật tự của các yếu tố này, theo ông, không đồng nhất giữa câu thơ và “từ chủ đề” (mot-thème) của bài thơ, nghĩa là từ được đảo ngữ. Bảng ví dụ về thơ của Giovanni Pascoli:

<sup>17</sup>L'anagramme poétique franchit les deux 'lois fondamentales du mot humain' proclamées par Saussure, celle du lien codifié entre le signifiant et son signifié, et celle de la linéarité des signifiants. Les moyens du langage poétique sont à même de nous faire sortir “hors de l'ordre linéaire”.

<sup>18</sup>“l'on sort du temps de la 'consécutivité' propre au langage habituel” (MF, p. 254).



Saussure ghi chú: “Các đơn vị này tái tạo lại từ có thể xuất hiện ở ngoài bất kì trật tự nào” [10, tr.63]<sup>19</sup>. Các yếu tố làm nên đảo ngữ chính là các “disjecta membra” (*Ibidem* - cùng đoạn ấy) mà Saussure đặt ra ngoài sự phát triển về mặt ngữ âm của câu thơ. Từ điểm nhìn này, kiểu đảo ngữ không tôn trọng trật tự của câu thơ không làm rõ được không gian duy nhất (l’uni-spatialité) của tính tuyến tính của ngôn ngữ giống như “sự bất khả phát âm cùng lúc hai yếu tố của ngôn ngữ” mà ông đã phân tích trong giáo trình. Các ví dụ về phép đảo ngữ từ thơ Giovanni Pascoli minh họa cho trạng thái tuyến tính hóa trong cách tiếp cận thi ca của Saussure. Không gian hóa của các phân tích đảo ngữ có thể được nhận ra trong từ vựng được sử dụng trong các bản viết tay của ông. Câu thơ là một lãnh địa để khai phá: việc xác định các “giới hạn” của “một không gian”, “một nơi chốn” hay là một “vùng” chính là các phạm vi của phép đảo ngữ. Hoạt động của lời nói thi ca mà Saussure đặt ra liên quan đến mặt hiển thị của ngôn ngữ. Sự mất trật tự trong hoạt động của phép đảo ngữ không đặt lại vấn đề bản chất chiều kích duy nhất của hoạt động ngôn ngữ được làm rõ bởi tính tuyến tính. Quan hệ giữa phép đảo ngữ với nguyên lí tuyến tính, ngược lại, đưa ra tính vấn đề cho việc nghiên cứu nếu ta xem các thủ pháp tổng hợp mà Saussure đã đặt ra. Điều này không dựa trên sự kè cận đơn giản của các yếu tố ngữ âm trong câu thơ mà ở sự hợp nhất các nhân tố thay đổi. Ta thấy, để nhận được âm tiết PRO của một “từ chủ đề”, Saussure phối hợp với một âm tiết khác như PO hoặc RO. Thủ pháp này, theo ông là “nguyên lí mất trật tự của việc nghe thấy” mà ông đã giải thích rõ: nguyên lí này ít nhiều làm sáng tỏ giới hạn của nó, chính vì, xét chung thì sự mất trật tự thường không rõ ràng” [10, tr.267]. Bằng kiểu phối hợp này, đảo ngữ được xây dựng trên tính đồng thời của

nhiều cảm giác âm thanh, đối lập rõ ràng với nguyên lí phi đồng thời của các kí hiệu âm thanh mà ông đã đặt ra trong *Giáo trình*. Bằng việc nghiên cứu về phép đảo ngữ, những bản viết tay của Saussure dành phần lớn cho các vấn đề về tính liên tiếp và khái niệm “không gian duy nhất” của ngôn ngữ. Tính tuyến tính ở đây được Saussure dùng đồng nghĩa với thuật ngữ “tính liên tiếp” (consécuté). Đây là cũng thuật ngữ đồng hành với nguyên lí tuyến tính trong *Giáo trình*: là nguyên lí “hiển nhiên” và “trung tâm của mọi tư duy về từ ngữ”. Các nghiên cứu về tuyến tính của Saussure đã làm mới các khái niệm trung tâm. Khi “lịch đại” được đặt tương đồng với “sự tiến triển” hay “tính liên tiếp” thì các khía cạnh của thuật ngữ “tuyến tính” xuất hiện. Phép đảo ngữ không chỉ là đối tượng nghiên cứu về thơ ca mà còn là phương tiện cho quá trình định hình các thuật ngữ triết học ngôn ngữ quan trọng.

### 3. Kết luận

Những phân tích trên đây từ văn bản của Saussure trong giáo trình và bản viết tay cho thấy tiềm năng của bộ nhị phân đồng đại/lịch đại là rất lớn, nó không còn dừng lại ở chỗ: ngôn ngữ học đồng đại quan tâm đến các quan hệ lô-gíc làm nên hệ thống, ngôn ngữ học lịch đại nghiên cứu quan hệ của các giới hạn tiến triển theo thời gian. Trong lịch sử tư tưởng ngôn ngữ học hiện đại, đồng đại được khái niệm hóa theo nhiều cách khác nhau. Bằng việc phân tích từ văn bản giáo trình và các bản viết tay của Saussure cho thấy sự cần thiết phải phân biệt các phạm trù: tĩnh và động, hệ thống và phát triển, trực đồng thời và trực tiến triển cũng như vấn đề phiếm đại. Để làm sáng tỏ vấn đề, đặc biệt là góp phần định hình các phạm trù lí thuyết, cách thức sơ đồ hóa trực lí thuyết hóa trên đây có thể được ứng dụng cho các bộ nhị phân khác trong tư tưởng của Saussure như ngôn ngữ/lời nói, cái biểu đạt/cái được biểu đạt.

Xác định phạm vi của lịch đại và tuyến tính cũng như việc làm rõ tương quan giữa tuyến tính và phép đảo ngữ trong nghiên cứu của Saussure, ta thấy rằng tính tuyến tính gắn bó chặt chẽ trong các chiều kích tư tưởng của ông. Ngôn ngữ, chuỗi lời nói, kí hiệu, cái biểu đạt đều mang “đặc trưng tuyến tính”. Tính tuyến tính của lời nói đã giải thích vì sao chỉ có thể phát âm lần lượt hai yếu tố, và trong ngôn ngữ, yếu tố điều kiện cho các quan hệ ngữ đoạn. Nhưng chính trong các bản viết tay, nguyên lí tuyến tính của cái biểu đạt được xem là câu nói giữa hai hiện tượng: cùng lúc là tác nhân của tính tuyến tính ngữ đoạn và là hệ quả của tính tuyến tính phân đoạn âm thanh của lời nói.

<sup>19</sup>Ces unités qui recomposent le mot peuvent être données en dehors d’un ordre quelconque.



**Tài liệu tham khảo**

- [1] Đỗ Hữu Châu (2001). *Đại cương ngôn ngữ học. Tập II, Ngữ dụng học*. NXB Giáo dục. Hà Nội, 2001.
- [2] Chomsky N., (1968). *Language and Mind*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [3] Josette Rey-Debove et Alain Rey (2000). *Le nouveau Petit Robert*. LR.
- [4] Jakobson, Roman (1971). *Selected Writings II. Word and Language*. The Hague : Mouton & Co.
- [5] Jacob A. (1967). *Temps et langage*. Paris : Armand Colin.
- [6] Jonathan Culler (1977). *Ferdinand de Saussure*. United States of America: Penguin Books.
- [7] Hjelmslev, L. (1968-1971). *Prolégomènes à une théorie du langage*. Paris: Minuit.
- [8] Phạm Hữu Lai (1970). *Ferdinand de Saussure và ngữ học cơ cấu*. Tủ sách Ngữ học.
- [9] Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên) Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết (2002). *Dẫn luận ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Godel R. ([1957] 1969). *Les Sources manuscrites du Cours de linguistique générale de F. de Saussure*. Genève: Droz.
- [11] Martinet, André (1960). *Eléments de Linguistique générale*. Paris : Armand Collin.
- [12] Normand, Claudine (1978). *Avant Saussure. Choix de textes (1875-1924)*. Edité par Claudine Normand. Bruxelles: Complexe.
- [13] Vũ Đức Nghiệu (2009). *Dẫn luận Ngôn ngữ học*. NXB ĐHQG Hà Nội.
- [14] Ferdinand de Saussure (2005). *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*. Cao Xuân Hạo giới thiệu và dịch, NXB Khoa học Xã hội.
- [15] Schuchardt H. (1917). “*Compte rendu du CLG*”, tr. par Caussat P., in Normand Cl Éd., 1978, *Avant Saussure, choix de textes (1875-1924)*. Bruxelles : Éditions Complexe, 174181.
- [16] Wunderli P. (1982). *Problème et résultat de la recherche saussurienne*. in CF.S., 36, 120137.
- [17] Wunderli, Peter (1990). *Principes de diachronie*. Frankfurt am Main, Peter Lang.

## **THE PROBLEM OF DIACHRONY AND CHRONOLOGY FROM THE THOUGHT OF SAUSSURE: NEW DOCUMENTS AND NEW VERSIONS**

**Abstract:** This article clarifies the potential of the diachronic and chronological category from Saussure's thought based on the concept of the subject speaks of the Course in General Linguistics and his manuscript. This problem is resolved by our view that the field of co-existence can be considered based on the correlation between different aspects of systemic and temporality. It is also a way to shape versions in linguistics studies. The relation between diachrony and linearity are analyzed by the proposition: the linearity of the expression is of speech level, while that of the calculated is used for the analysis of the language level.

**Key words:** chronology; diachrony; achrony; linearity; language; anagram.